



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Ngày 28 tháng 05 năm 2020 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
7h30-8h00	1/ Đón khách và đăng ký cổ đông - Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông đăng ký cổ đông - Phát tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết	Ban kiểm tra TCCĐ
8h00-08h30	2/ Thủ tục bắt đầu Đại hội - Chào cờ - hát Quốc ca - Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra TCCĐ
	- Giới thiệu Chủ tọa điều hành Đại hội	Ban tổ chức
	- Giới thiệu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	Chủ tọa
	- Thông qua chương trình và Quy chế Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	Chủ tọa
8h30-09h30	3/ Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trình bày các báo cáo sau:	
	3.1 Báo cáo của HĐQT Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020	Chủ tịch HĐQT
	3.2 Báo cáo của Ban điều hành Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	Tổng giám đốc
	3.3 Báo cáo của Ban kiểm soát Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020	Trưởng BKS
	3.4 Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 (tóm tắt)	Kế toán trưởng
9h30-10h00	4/ Báo cáo nội dung Tờ trình về các vấn đề cần ĐHĐCĐ phê chuẩn	Chủ tọa
10h00-10h15	Nghỉ giải lao	
10h15-10h45	5/ Thảo luận các vấn đề của Đại hội	Chủ tọa
10h45-11h10	6/ Biểu quyết thông qua từng nội dung trong Tờ trình về các vấn đề cần ĐHĐCĐ phê chuẩn	Chủ tọa
11h10-11h20	7/ Báo cáo kết quả biểu quyết	Ban kiểm phiếu



11h20-11h45	8/ Thông qua Nghị quyết Đại hội và Biên bản Đại hội (Đại hội biểu quyết thông qua)	Ban thư ký, Chủ tọa điều hành biểu quyết
11h45	9/ Tuyên bố bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 05 năm 2020

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (sau đây gọi là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn (Sau đây gọi là “Công ty”).
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông (sau đây gọi là “đại diện theo ủy quyền”) và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Trong quy chế này, cụm từ “Cổ đông” được hiểu là Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, nếu không có diễn giải khác.
4. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

CHƯƠNG II

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông có tên trong danh sách Cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề nằm trong chương trình Nghị sự thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Được Công ty thông báo công khai nội dung, chương trình Đại hội.
3. Tại Đại hội mỗi Cổ đông khi tới tham dự họp Đại hội được nhận “Thẻ biểu quyết”, “Phiếu biểu quyết” (trong đó có ghi Họ tên Cổ đông, đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu, số cổ phần ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết).
4. Giá trị biểu quyết của “Thẻ biểu quyết”, “Phiếu biểu quyết” tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà Cổ đông đó sở hữu và/hoặc đại diện khi đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông theo ủy quyền có mặt tại Đại hội.

5. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho những cá nhân này đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung được biểu quyết sau đó.
6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông đến dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:

- 1.1. Giấy mời họp ĐHĐCĐ;

- 1.2. Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

- 1.3. Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội:

- a) Quyết định cử người đại diện phần vốn của Cổ đông là tổ chức có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Người đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội trừ trường hợp được Cổ đông là tổ chức đồng ý;

- b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp Đại hội đối với các trường hợp sau:

- Trường hợp Cổ đông cá nhân là bên ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách Cổ đông, đại diện theo ủy quyền là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông.

2. Trường hợp Cổ đông đã hủy hoặc chấm dứt việc ủy quyền cho đại diện theo ủy quyền nhưng Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản về việc hủy hoặc chấm dứt ủy quyền đó trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì Cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết tại Đại hội nếu đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đó đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
3. Đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba trừ trường hợp quy định tại Điểm a) Khoản 1.3 Điều này.
4. Cổ đông khi tham dự họp Đại hội có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu

Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp Cổ đông nào vì lí do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội, phải liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp Cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân với Ban Tổ chức thì Cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

5. Trong thời gian diễn ra Đại hội, mọi thành viên tham gia Đại hội phải nghiêm túc chấp hành các quy định tại Quy chế này và các nội quy tại cuộc họp Đại hội, tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
6. Cổ đông tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điểm b Khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đại hội

Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội và có quyền hạn, trách nhiệm như sau:

1. Chủ trì và quyết định các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự theo chương trình nghị sự, các Quy chế đã được Đại hội thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội; quyết định các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trình tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số các Cổ đông tham dự.
3. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội;
4. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
5. Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
6. Trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp bất cứ lúc nào phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các thành viên dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - e) Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
7. Chủ tọa Đại hội có quyền:
 - a) Không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của Cổ đông nếu các nội dung

- đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;
- b) Dừng ý kiến phát biểu của Cổ đông khi Cổ đông phát biểu ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp hoặc quá thời gian có thể ảnh hưởng tới thời gian chung của Đại hội;
- c) Yêu cầu tất cả các thành phần dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.
2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của Cổ đông, ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
3. Ban Thư ký Đại hội có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban trong việc ghi chép diễn biến cuộc họp, các nội dung câu hỏi, ý kiến chất vấn của Cổ đông và trả lời.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông gồm 01 Trưởng ban và 03 thành viên do Hội đồng Quản trị Công ty thành lập và được giới thiệu với Đại hội, có chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - a) Kiểm tra tư cách dự họp của các Cổ đông, đại diện theo ủy quyền đến dự họp dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình:
 - Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương;
 - Giấy mời họp ĐHĐCĐ;
 - Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội và các tài liệu khác kèm theo (nếu có).
 - b) Phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, các tài liệu của Đại hội cho Cổ đông, đại diện theo ủy quyền;
 - c) Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo Chủ tọa, Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm:
 - Trước khi khai mạc Đại hội;
 - Khi có sự thay đổi về số Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).
2. Thông báo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông lên màn hình thông tin;

3. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền thành lập Bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
4. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết và từ chối việc phát tài liệu của Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
2. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty; không phải là các nhân sự được đề cử, hoặc ứng cử vào thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
3. Ban Kiểm phiếu có quyền yêu cầu một bộ phận giúp việc, hỗ trợ trong quá trình kiểm phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.
4. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - 4.1. Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:
 - a) Hướng dẫn Thẻ lệ biểu quyết. Thẻ lệ biểu quyết như sau:
 1. Thẻ biểu quyết:
 - Đặc điểm: Thẻ biểu quyết màu trắng, được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, trên thẻ ghi thông tin của Cổ đông gồm: Họ và tên Cổ đông, mã Cổ đông và tổng số cổ phần sở hữu và đại diện.
 - Mục đích: Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức giơ thẻ biểu quyết, bao gồm:
 - Thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu tại Đại hội.
 - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.
 - Thông qua chương trình Đại hội.
 - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
 - Một số nội dung khác theo yêu cầu của Chủ tọa.
 - Cách sử dụng: Cổ đông thực hiện việc giơ thẻ biểu quyết để biểu quyết “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Ban tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.
 2. Phiếu biểu quyết:
 - Đặc điểm: Phiếu biểu quyết màu trắng, được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, trên phiếu có ghi rõ họ và tên Cổ đông, mã Cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và đại diện.
 - Mục đích: Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - Cách sử dụng: Trên phiếu biểu quyết, Ban tổ chức đã in đầy đủ các nội dung cần biểu quyết. Tương ứng với những nội dung cần biểu quyết có 3 phương án cần



biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án cho từng nội dung biểu quyết và giơ thẻ để biểu quyết “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” theo điều hành của Chủ tọa.

- b) Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu biểu quyết phát ra;
 - c) Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu của các Cổ đông;
 - d) Thực hiện việc kiểm đếm số Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết; lập Biên bản kiểm phiếu;
 - e) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;
 - f) Bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu, niêm phong và bàn giao toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội;
- 4.2. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định.
5. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Cổ đông nếu để xảy ra sai phạm.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp Đại hội. Trưởng Ban kiểm tra tư cách Cổ đông thông báo số lượng Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các Cổ đông sở hữu hoặc đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày theo lịch cụ thể do Công ty thông báo.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và biểu quyết các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp cho Cổ đông hoặc nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng Cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ

tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu đăng ký phát biểu gửi cho Ban Thư ký Đại hội. Trong cùng một thời điểm chỉ có một Cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều Cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng Cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của Cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị Cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
3. Đối với những vấn đề được chất vấn, Chủ tọa có quyền trả lời ngay cho Cổ đông hoặc ghi nhận ý kiến đề HĐQT Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình trả lời bằng văn bản cho Cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc Đại hội.

Điều 13. Biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được Đại hội biểu quyết thông qua theo quy định tại Thể lệ biểu quyết.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội, dự thảo Nghị quyết Đại hội

1. Diễn biến Đại hội, kết quả biểu quyết, phải được Ban thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội, Nghị quyết Đại hội;
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải làm xong và được Đại hội biểu quyết thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;
3. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định;
4. Biên bản, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trường hợp tiến hành Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
2. Trường hợp cuộc họp của Đại hội triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông

hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

CHƯƠNG V HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 05 Chương, 16 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
2. Chủ tọa có trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Thành Danh





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ CỔ ĐÔNG:

Họ và tên cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

CP

(Quý cổ đông đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 7: Thông qua báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, thư ký HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019; kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, thư ký HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 9: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo với giá trị 200 tỷ đồng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 11: Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 12: Thông qua Quy chế về quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

BDHC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Mã cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 5 năm 2020.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (HĐQT), tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

1. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị (HĐQT):

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 22/06/2019, HĐQT bao gồm:
 - 1. Ông Trần Hoài Nam - Chủ tịch HĐQT
 - 2. Ông Lê Quang Minh - Thành viên HĐQT
 - 3. Ông Trần Văn Thọ - Thành viên HĐQT
 - 4. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT
 - 5. Ông Lê Hoàng Triều - Thành viên HĐQT
- Tại ngày 23/06/2019 Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 đã bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2019-2024, gồm có các thành viên:
 - 1. Ông Vũ Thành Danh - Chủ tịch HĐQT
 - 2. Ông Trần Hoài Nam - Thành viên HĐQT
 - 3. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT
 - 4. Ông Lê Hoàng Triều - Thành viên HĐQT
 - 5. Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thành viên HĐQT

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019:

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Theo Nghị quyết ĐH ĐCĐ 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu	281.691,04	319.703,55	113,49%
2	Lợi nhuận trước thuế	87.788,21	123.907,08	141,14%

3	Lợi nhuận sau thuế	83.398,80	117.597,57	141,01%
4	Cổ tức (dự kiến)	15%	18,4%	122,67%

- Về doanh thu: tổng doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 319.703,55 triệu đồng, vượt 113,49% so với kế hoạch.
- Về lợi nhuận: lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 117.579,57 triệu đồng, vượt 41,01% kế hoạch.

2.2 Phân phối lợi nhuận năm 2018:

HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện
I	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	158.306.681.582	158.306.681.582
II	Phân phối lợi nhuận: (1) + (2) + (3) + (4) + (5)	93.178.273.842	93.178.273.842
1	Cổ tức bằng tiền (4%)	18.250.708.800	18.250.708.800
2	Cổ tức bằng cổ phiếu (16%)	73.002.840.000	73.001.460.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.334.725.042	1.334.725.042
4	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	590.000.000	590.000.000
5	Phần thặng dư vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		1.380.000
III	Lợi nhuận để lại	65.128.407.740	65.128.407.740

2.3 Thù lao Hội đồng Quản trị, thư ký HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019:

- Tổng quỹ thù lao thực hiện: 774.000.000 đồng

2.4 Thực hiện chi trả cổ tức:

Trong năm 2019 và đến thời điểm hiện nay, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ là 20%, trong đó: 16% bằng cổ phiếu, 4% bằng tiền mặt.

2.5 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã quyết định chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH DVTV Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam

(AASCS).

3. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 16 phiên họp, trong đó có 04 cuộc họp tập trung và 12 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

Trong năm qua đã ban hành 21 quyết định, nghị quyết chỉ đạo công tác SXKD bao gồm:

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày ban hành
01	30/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc góp vốn đợt 2 để thực hiện Dự án Mặt trời Buôn Đôn là 2.095.000.000 VNĐ	25/02/2019
02	31/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc cho thôi việc đối với ông Hoàng Đình Trọng	30/03/2019
03	32/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019	03/04/2019
04	33/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc cử ông Phan Quang Vũ làm thư ký HĐQT	22/04/2019
05	34/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019	10/05/2019
06	34A/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc rút vốn góp tại dự án điện mặt trời Buôn Đôn	14/5/2019
07	35/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2019	07/06/2019
08	35A/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc chấp thuận cho BDHC vay vốn dài hạn và ngắn hạn	09/06/2019
09	01/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc thành lập Ban tổ chức và các Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.	10/6/2019

10	37/NQ-HĐQT-BDHC	<p>- Thông qua nội dung trong báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;</p> <p>- Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019.</p>	10/6/2019
11	38/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc thông qua việc mua máy biến áp dự phòng công suất 50MVA 225/23kV	10/06/2019
12	38A/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc phê duyệt việc mua sắm máy biến áp 50MVA 225/23kV 3 pha của Dự án điện mặt trời Buôn Đôn với giá trị là 555.292USD làm máy biến áp dự phòng cho nhà máy thủy điện Srêpôk 4A	13/6/2019
13	39/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019	28/06/2019
14	42/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc phê duyệt phương án huy động vốn ngắn hạn	06/08/2019
15	43/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc chấp thuận cho BDHC được vay vốn tại Ngân hàng HD bank	20/8/2019
16	03/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc thôi bổ nhiệm lại chức vụ TGD của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (đối với Ông An Văn Sinh)	18/10/2019
17	04/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định: về việc bổ nhiệm chức vụ PTGD phụ trách và người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (đối với ông Trương Hải Quang)	18/10/2019
18	46/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018	23/10/2019

19	05/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và người đại diện pháp luật công ty (đối với ông Trương Hải Quang)	07/11/2019
20	47/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật Công ty	07/11/2019
21	48/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết: về việc gia hạn thời gian chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018	23/12/2019

4. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

4.1. Hoạt động chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp để thời thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2019 đề ra và nghị quyết của HĐQT.

4.2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã bám sát các chỉ tiêu và nội dung Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Năm 2020, được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, một số chính sách thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị để thông qua trong kỳ Đại hội này như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	239,26	230,00
2	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	319.703,55	284.682,37
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	123.907,08	41.457,81
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	117.597,57	39.384,92
5	Cổ tức dự kiến	%	18,4	6,0

2. Công tác chỉ đạo

Chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý doanh nghiệp phù hợp với quy chế quản trị nội bộ Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch và hiệu quả.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

PHẦN III

KẾT LUẬN

Năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng Cổ đông giao.

Đến nay, BDHC đã trở thành một trong những đơn vị mạnh tại địa phương. Không những thế, hình ảnh và thương hiệu của BDHC luôn gắn liền với sự vững vàng, tin cậy, chất lượng, uy tín, hoạt động hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững. Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực và trí tuệ của từng thành viên trong HĐQT, sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể Người lao động của Công ty.

HĐQT Công ty cũng luôn nhận được những ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông và sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như các đơn vị bạn.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt chặng đường vừa qua và mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Quý cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Yễn Thành Danh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt Ban điều hành Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BDH), tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của Ban điều hành năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Đặc điểm tình hình chung:

Năm 2019 nhờ sự phối hợp tốt với các nhà máy trên dòng sông Srêpôk và Trung tâm điều độ quốc gia (A0) nên tổng sản lượng phát điện năm 2019 đạt 239,26 triệu kWh, đạt **104%** so với kế hoạch đề ra. Với sản lượng đạt được, tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 123,9 tỷ đồng, tăng hơn 30 tỷ đồng so với thực hiện năm 2018.

2. Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		Thực hiện 2018	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2019	So với năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	281.691,04	319.703,55	285.394,38	113,49%	112,02%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	193.902,83	195.796,46	191.663,36	100,98%	102,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	87.788,21	123.907,08	93.731,02	141,14%	132,19%

3. Công tác thị trường điện

Trong năm 2019, BDHC đã phối hợp với các đơn vị phát điện trên dòng sông, để có phương án bán chào và vận hành tối ưu nhất, không để xảy ra trường hợp phát sinh công suất nhưng không được thanh toán. Với tỷ lệ thanh toán 20% trong thị trường điện thì trong năm vừa qua thị trường điện cũng góp một phần vào doanh thu chung của BDHC.

4. Công tác vận hành nhà máy và an toàn bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ

Các thiết bị vận hành ổn định và kịp thời đáp ứng mọi chế độ vận hành của Trung tâm Điều độ hệ thống điện.

Công tác an toàn, phòng chống cháy nổ: BDHC thực hiện công tác kiểm tra an toàn định kỳ và đột xuất, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Tổ chức lớp học an toàn cho toàn thể CBCNV công ty. Định kỳ hằng năm BDHC tổ chức tập huấn và diễn tập về PCCC tại nhà máy, xây dựng và tổ chức diễn tập phương án chữa cháy

tại nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đồng thời thường xuyên kiểm tra trang thiết bị PCCC đảm bảo các thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng hoạt động.

5. Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên

Đối với công tác bảo trì sửa chữa của nhà máy, Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo công tác vận hành an toàn.

Thường xuyên kiểm tra tuyến kênh và các công trình trên kênh để kịp thời phát hiện những sự cố, đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.

Thường xuyên tiến hành vệ sinh, khơi thông dòng chảy tại các xi phông nhỏ để đảm bảo dòng chảy.

Tại các xi phông lớn Đắc Huar và Ndraik: Thực hiện nạo vét bùn cát bồi lắng phía trước cửa vào, cửa ra và cả trong lòng xi phông.

Thực hiện công tác lặn kiểm tra cửa van cống xả nước môi trường đầu kênh, vớt rác tại cửa nhận nước và kiểm tra toàn bộ hệ thống lưới chắn rác Nhà máy.

6. Về đầu tư xây dựng Dự án điện mặt trời Buôn Đôn.

Dự án Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn có công suất lắp đặt 48MWp, với diện tích đất sử dụng cho dự án khoảng 50,6 ha nằm bên bờ trái kênh dẫn nước công trình thủy điện Srêpôk 4A, thuộc địa phận thôn 5, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn đã được Bộ Công thương tiến hành thẩm định vào tháng 4 năm 2018.

Đến nay dự án đang xem xét bổ sung quy hoạch, BĐH sẽ tiếp tục thực hiện dự án sau khi được bổ sung quy hoạch.

7. Về đời sống cán bộ công nhân viên

Đời sống CBCNV trong công ty được nâng cao hơn trước, lương của CBCNV Công ty được thực hiện đúng theo Quy chế góp phần đảm bảo ổn định đời sống để gắn bó lâu dài với Công ty.

Tập thể CBCNV trong Công ty luôn duy trì đoàn kết nội bộ, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn Công ty, là tiền đề để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

8. Đối với cổ đông

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty, Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ là 20%. Trong đó tiền mặt là 4%; cổ tức là cổ phiếu 16%.

Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thông tin kịp thời đến các cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

Thực hiện Báo cáo thường niên năm 2019 và công bố đúng quy định.

9. Đối với xã hội

Các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương luôn được Lãnh đạo Công ty và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực.

Năm 2019, Công ty phối hợp Công đoàn và Đoàn thanh niên đăng ký tham gia hiến máu tình nguyện theo các đợt phát động phong trào của Công đoàn Ngành Công Thương và Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

Đối với thôn kết nghĩa Thống Nhất: Công ty thăm và tặng quà các cháu thiếu nhi nhân dịp ngày 1-6, Tết Trung thu; Thăm tặng quà các hộ khó khăn sau mùa lũ, các cháu có hoàn cảnh khó khăn, tiếp sức đến trường tại 3 xã Ea Huar, Ea Wer và xã Krông Na, huyện Buôn Đôn; Gia đình có công với cách mạng nhân dịp Tết cổ truyền;

II. KẾ HOẠCH SXKD 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2020

Căn cứ tình hình thủy văn các năm tương tự, kế hoạch sản lượng năm 2020 của A0 và các nhà máy thủy điện bậc trên.

Căn cứ tình hình thay đổi chính sách thị trường điện đối với các nhà máy thủy điện.

Căn cứ tình hình quyết toán dự án nhà máy thủy điện Srêpôk 4A,

Đề phù hợp với tình hình tài chính, BDH Công ty thay đổi chính sách khấu hao theo số liệu quyết toán dự án để đảm bảo nguồn trả nợ khoản vay ngoại tệ của Ngân hàng Sumimoto Mitsui có bảo lãnh của Chính phủ Việt Nam thực hiện trong giai đoạn xây dựng nhà máy thủy điện Srêpôk 4A.

Trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BDH lập kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	239,26	230,00
2	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	319.703,55	284.682,37
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	123.907,08	41.457,81
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	117.597,57	39.384,92
5	Cổ tức dự kiến	%	18,4	6,0

2. Phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo

2.1 Mục đích:

- Tái cấu trúc nợ trong nước phù hợp với tình hình tài chính Công ty
- Trả nợ nhà thầu phần còn lại trong giai đoạn xây dựng thủy điện Srêpôk 4A
- Dự phòng tài chính đáp ứng trong mọi hoàn cảnh để trả nợ đúng cam kết khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ Việt Nam.

2.2. Giá trị phát hành : 200 tỷ đồng

1884
NG T
PHÁ
Y Đ
N Đ
THU

2.3. Phương án phát hành: Có đính kèm phương án phát hành

3. Các giải pháp thực hiện:

Tập trung các nguồn lực quản lý vận hành ổn định, hiệu quả, an toàn các thiết bị của nhà máy và tuyến đường dây, phát huy tối đa hiệu quả nguồn nước, hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu được HĐQT giao.

Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về môi trường, PCCC, phòng chống lụt bão. Chủ động kiểm tra thiết bị, xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư dự phòng phục vụ sản xuất trong mùa mưa.

Thực hiện công tác xây dựng, đánh giá, lập phương án các dự án, lĩnh vực đầu tư mới, thẩm tra, giám sát đầu tư các dự án đầu tư, hạng mục xây dựng, sửa chữa lớn của Công ty.

Tổ chức, sắp xếp, tuyển dụng nhân sự phù hợp với hướng phát triển mới của Công ty. Xây dựng quy chế tiền lương, thưởng, đánh giá định kỳ đảm bảo công bằng và khuyến khích tăng năng suất lao động, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Tổ chức đào tạo và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho CBCNV trong Công ty.

Tiếp tục đẩy mạnh phòng trào tăng gia sản xuất, chăm lo đời sống, tạo môi trường làm việc thân thiện, tạo cảnh quan khuôn viên Nhà máy xanh, sạch, đẹp.

KẾT LUẬN :

Phát huy kết quả đạt được của năm 2019, toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn ra sức đoàn kết, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

Kính thưa Quý vị Đại biểu, kính thưa Quý Cổ đông!

Trên đây là báo cáo về tổng kết hoạt động của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý vị Đại biểu, Quý Cổ đông.

Kính chúc Quý vị Đại biểu, Quý Cổ đông mạnh khỏe và thành đạt.

Xin chân thành cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
BUÔN ĐÔN
Trương Hải Quang





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, BKS xin báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

Nhân sự Ban kiểm soát:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 22/06/2019, BKS bao gồm:

1. Ông Vũ Thành Danh : Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa : Thành viên
3. Ông Phạm Quốc Thái : Thành viên
4. Bà Võ Thị Bích Phượng : Thành viên

Tại ngày 23/06/2019 Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 đã bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024, gồm có các thành viên

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa : Trưởng Ban
2. Ông Phạm Quốc Thái : Thành viên
3. Bà Võ Thị Bích Phượng : Thành viên

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. *Họp triển khai kế hoạch hoạt động hàng năm*
2. *Họp phân công nhiệm vụ các thành viên của Ban kiểm soát*
3. *Thực hiện kiểm soát 2019*

Theo kế hoạch năm 2019, BKS đã tổ chức 03 đợt kiểm soát tại Trụ sở Công ty. Các thành viên trong Ban thường xuyên trao đổi thông tin trong BKS để phục vụ công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Một số hoạt động chính của BKS trong năm như sau:

- Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Xem xét các báo cáo tổng kết, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của Ban Tổng Giám đốc để kịp thời cập nhật thông tin cho hoạt động của Ban kiểm soát.
- Giám sát Công ty trong việc chấp hành các quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công bố thông tin.
- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Thẩm định báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

4. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2019.

Stt	Họ tên	Chức danh	Thù lao 2019 (đồng/năm)
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	78.000.000
2	Phạm Quốc Thái	Thành viên	72.000.000
3	Võ Thị Bích Phượng	Thành viên	72.000.000
Tổng cộng			222.000.000

II. Báo cáo giám sát kết quả kinh doanh; hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc năm 2019.

1. Giám sát kết quả sản xuất kinh doanh 2019.

Kết quả sản xuất kinh doanh 2019 đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		Thực hiện 2018	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2019	So với năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	281.691,04	319.703,55	285.394,38	113,49%	112,02%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	193.902,83	195.796,46	191.663,36	100,98%	102,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	87.788,21	123.907,08	93.731,02	141,14%	132,19%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	83.398,8	117.597,57	88.981,67	141,01%	132,16%
5	Cổ tức trong đó		Dự kiến: 15 %		20%		
	+ Cổ tức bằng tiền mặt				4%		
	+ Cổ tức bằng cổ phiếu				16%		

- Doanh thu thực hiện được 319.703,55 triệu đồng đạt 113,49 % , tăng 13,49% so với kế hoạch, và tăng 12,02 % so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện được 117,597,57 triệu đồng đạt 141,01% tăng 41,01% so với kế hoạch, và tăng 32,16% so với năm 2018.

2. Báo cáo giám sát kết quả hoạt động Hội đồng quản trị năm 2019.

Các thành viên HĐQT đã thể hiện đầy đủ tinh thần và trách nhiệm đối với Công ty. HĐQT điều hành hoạt động Công ty bằng các nghị quyết; quyết định theo đúng quy định Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật. Để đạt được kết quả như trên, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và bất thường, thông qua phiếu xin ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực thi các quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện 16 phiên họp, trong đó có 04 cuộc họp tập trung và 12 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

Ban hành 21 Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HĐQT trên cơ sở vì lợi ích của các Cổ đông và chiến lược phát triển của Công ty.

HQĐT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công bố thông tin đầy đủ và đúng thời gian quy định của thông tư 155/2010-TT-BTC ngày 06/10/2015 “ Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 đầy đủ cho Cổ đông.

Đã lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo chính năm 2019 là Công ty TNHH DVTV Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía nam (AASCS)

3. Báo cáo giám sát kết quả hoạt động Ban Tổng Giám đốc năm 2019

Nhân sự:

❖ Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/10/2019

1. Ông An Văn Sinh : Tổng Giám đốc
2. Ông Trương Hải Quang : Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Hoàng Đình Trọng : Phó Tổng Giám đốc (chấm dứt HĐ tháng 3/2019)
4. Ông Phạm Văn Tùng : Kế toán trưởng.

❖ Từ ngày 19/10/2019 – 31/12/2019

1. Ông Trương Hải Quang : Tổng Giám đốc

2. Ông Phạm Văn Tùng : Kế toán trưởng

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung, phát huy mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức vận hành an toàn, hiệu quả. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phù hợp với tình hình thực tế.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.

Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Các hoạt động đoàn thể được quan tâm sâu sát, khuyến khích động viên tinh thần thi đua, sáng tạo trong công việc.

Qua công tác kiểm tra, giám sát cho thấy hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định Pháp luật và Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT.

Kết quả đạt được năm 2019:

Với sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và sự tuân thủ, nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã đạt được những kết quả sau:

- Vận hành nhà máy an toàn, thực hiện các phương án bảo trì, bảo hành, sửa chữa, máy móc thiết bị hoạt động hiệu quả.
- Hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng Cổ đông giao.
- Thực hiện tốt công tác thị trường điện
- Thanh toán nợ vay đầy đủ và đúng hạn theo cam kết.
- Trả cổ tức đầy đủ đúng theo thời gian quy định đảm bảo lợi ích cho Cổ đông
- Công bố thông tin đầy đủ và đúng thời gian theo quy định của thông tư 155/2015-TT-BTC ngày 06/10/2015 “ Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”
- Thực hiện hoàn thành các nội dung khác của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Nghị quyết của Hội đồng quản trị....

III. Kết quả kiểm tra, giám sát tài chính năm 2019 của Công ty:

Thẩm định báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán:

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Theo ý kiến của Công ty kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán,

chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, sổ sách kế toán và các hồ sơ, tài liệu liên quan, BKS đã thực hiện thẩm tra một số nội dung mang tính trọng yếu để xem xét mức độ trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2019 đồng thời đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2019. BKS nhận thấy Hệ thống bộ máy tổ chức kế toán hoạt động hiệu quả hơn các năm trước. Công tác kế toán của Công ty đã thực hiện theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo quy định. Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được lập theo quy định hiện hành.

❖ **Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019: 529.269.180.000 đồng**, do các Cổ đông góp vốn sau:

STT	Đơn vị	Số vốn góp của các Cổ đông (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	164.074.690.000	31%
2	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	132.318.300.000	25%
3	Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	79.390.980.000	15%
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	26.463.660.000	5%
5	Các Cổ đông khác	127.021.550.000	24%
	Tổng cộng	529.269.180.000	100%

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán (Các chỉ tiêu có số liệu):

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu tài sản	01/01/2019	31/12/2019	Thay đổi	% thay đổi
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(4)/(2)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	236.803.704.684	295.079.001.217	58.275.296.533	24,61%
1	Tiền và tương đương tiền	73.492.495.581	59.166.017.289	(14.326.478.292)	-19,49%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	161.985.847.650	221.308.394.577	59.322.546.927	36,62%

3	Hàng tồn kho	953.318.752	14.209.911.952	13.256.593.200	1.390,57%
4	Tài sản ngắn hạn khác	372.042.701	394.677.399	22.634.698	6,08%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.585.166.582.652	1.513.380.876.516	(71.785.706.136)	-4,53%
1	Các khoản phải thu dài hạn	53.500.000	53.500.000	-	0,00%
2	Tài sản cố định	1.493.596.813.056	1.425.816.193.298	(67.780.619.758)	-4,54%
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.885.049.500	2.311.469.508	(2.573.579.992)	-52,68%
4	Tài sản dài hạn khác	86.631.220.096	85.199.713.710	(1.431.506.386)	-1,65%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.821.970.287.336	1.808.459.877.733	(13.510.409.603)	-0,74%
C	NỢ PHẢI TRẢ	1.207.393.841.754	1.096.461.287.046	(110.932.554.708)	-9,19%
1	Nợ ngắn hạn	226.770.980.490	242.987.955.782	16.216.975.292	7,15%
2	Nợ dài hạn	980.622.861.264	853.473.331.264	(127.149.530.000)	-12,97%
D	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	614.576.445.582	711.998.590.687	97.422.145.105	15,85%
	Vốn chủ sở hữu	614.576.445.582	711.998.590.687	97.422.145.105	15,85%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.821.970.287.336	1.808.459.877.733	(13.510.409.603)	-0,74%

Nhận xét: Qua số liệu trên cho thấy, tổng tài sản (cũng như nguồn vốn) của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 so với đầu năm giảm **13,51** tỷ đồng. Trong đó, do các chỉ tiêu chủ yếu sau thay đổi.

1. Phần tài sản:

Tiền, tương đương tiền: Giảm 14,32 tỷ đồng, do trong năm 2019, Công ty Mua bán điện giữ lại 20% tiền điện của tháng 3/2019 đến tháng 10/2019: 36,8 tỷ đồng.

Khoản nợ phải thu: Tăng 59,3 tỷ đồng là do tiền điện của tháng 11+12/2019 và phần 20% tiền điện của tháng 3/2019 đến tháng 10/2019

Tài sản cố định: Giảm 67,7 tỷ đồng là do trích khấu hao.

2. Phần nguồn vốn:

Nợ phải trả giảm 110,9 tỷ đồng, trong đó:

Nợ ngắn hạn tăng: 16,2 tỷ đồng (tiền cổ tức 2018 chưa thanh toán)

Nợ dài hạn giảm 127,1 tỷ đồng, là do Công ty thực hiện thanh toán nợ vay cho NH Sumi theo quy định.

Vốn chủ sở hữu tăng: 97,4 tỷ đồng, do Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2018: 16% (73 tỷ đồng) và lợi nhuận chưa phân phối tăng 29 tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	13,00	16,32
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	87,00	83,68
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	66,27	60,63
-	Nguồn vốn CSH /Tổng nguồn vốn	%	33,73	39,37
-	Nợ phải trả /Vốn CSH	Lần	1,96	1,54
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,04	1,16
-	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,04	1,21
4	Hiệu quả			
-	Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	32,12	36,90
-	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	4,88	6,50
-	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	14,48	16,52
-	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	33,84	38,87

❖ **Về cơ cấu tài sản:** Năm 2019, có sự dịch chuyển giữa tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Năm 2018, tài sản dài hạn chiếm 87% trong tổng tài sản, đến năm 2019, tài sản dài hạn chiếm 83,6% trong tổng tài sản.

❖ **Về cơ cấu nguồn vốn:** Năm 2019, Tổng nguồn vốn được tài trợ bằng nguồn vốn vay có xu hướng giảm dần, năm 2018 nợ phải trả chiếm: 66,27% đến năm 2019 còn 60,63%. Nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu giảm từ 1,96 lần giảm xuống còn 1,54 lần.

- ❖ **Các chỉ số về hiệu quả** phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 tăng hơn năm 2018

IV. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ trong BKS, Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không làm việc tại Phòng Tài chính – Kế toán Công ty. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ, Ban kiểm soát tự đánh giá hoạt động của BKS như sau:

- BKS đã phân công nhiệm vụ đối với các kiểm soát viên, thực hiện kiểm tra và tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định.
- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan.
- Đã hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC hàng năm.
- Các thành viên trong Ban kiểm soát đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao và luôn hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- Không vi phạm nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2019, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty, Cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đều được mời tham gia họp đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Trong quá trình hoạt động, BKS được cung cấp các tài liệu, văn bản kịp thời và đầy đủ.

Trong các đợt kiểm soát tại trụ sở Công ty, Ban kiểm soát đều có các trao đổi, thảo luận và kiến nghị với Ban quản lý điều hành Công ty nhằm hoàn thiện cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo để Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các kiến nghị và đề xuất của BKS được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xem xét và chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Đối với Cổ đông: BKS không nhận được đơn thư yêu cầu, khiếu nại của Cổ đông.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch theo từng năm. Cụ thể, năm 2020 bao gồm các nội dung sau:

1. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến công tác tài chính, kế toán và thống kê.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề có liên quan.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Xem xét, đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch thực hiện 2020.

2.1 Quý I/2020:

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, thực thi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Thực hiện kiểm soát hoạt động năm 2019 tại Trụ sở Công ty.
- Báo cáo của BKS trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

2.2 Quý II/2020:

- Xem xét Báo cáo tài chính Quý I/2020.
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2020.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về phân phối lợi nhuận.

2.3 Quý III/2020:

- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020.
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2020.

2.4 Quý IV/2020:

- Xem xét Báo cáo tài chính Quý III/2020; Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2020.
- Thực hiện kiểm soát 9 tháng đầu năm 2020 tại Trụ sở Công ty.

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

Ban kiểm soát đánh giá cao nỗ lực quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trước nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2019. Trên cơ sở các kết

quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2019, Ban kiểm soát có một số khuyến nghị như sau:

❖ Đối với Hội đồng quản trị:

Phát huy công tác quản trị và điều hành, tạo điều kiện để Công ty phát triển ổn định đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính được giao. Đảm bảo lợi ích hài hòa của Nhà Nước, Công ty và Cổ đông.

❖ Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Chủ động tổ chức sản xuất để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Thực hiện các phương án bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị để đáp ứng công tác vận hành nhà máy an toàn hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động năm 2019 kế hoạch hoạt động 2020 của Ban kiểm soát.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUƠN ĐƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2019
I. Bảng cân đối kế toán

TT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2018	Tăng/giảm so với 2018	
				Số tiền	Tỷ lệ %
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	<u>295.079.001.217</u>	<u>236.803.704.684</u>	<u>58.275.296.533</u>	<u>24,61</u>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	59.166.017.289	73.492.495.581	(14.326.478.292)	(19,49)
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	221.308.394.577	161.985.847.650	59.322.546.927	36,62
3	Hàng tồn kho	14.209.911.952	953.318.752	13.256.593.200	1.390,57
4	Tài sản ngắn hạn khác	394.677.399	372.042.701	22.634.698	6,08
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	<u>1.513.380.876.516</u>	<u>1.585.166.582.652</u>	<u>(71.785.706.136)</u>	<u>(4,53)</u>
1	Các khoản phải thu dài hạn	53.500.000	53.500.000	0	
2	Tài sản cố định	1.425.816.193.298	1.493.596.813.056	(67.780.619.758)	(4,54)
	- Tài sản cố định hữu hình	1.422.213.175.893	1.489.978.720.219	(67.765.544.326)	(4,55)
	- Tài sản cố định vô hình	3.603.017.405	3.618.092.837	(15.075.432)	(0,42)
3	Tài sản dở dang dài hạn	2.311.469.508	4.885.049.500	(2.573.579.992)	(52,68)
4	Tài sản dài hạn khác	85.199.713.710	86.631.220.096	(1.431.506.386)	(1,65)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	<u>1.808.459.877.733</u>	<u>1.821.970.287.336</u>	<u>(13.510.409.603)</u>	<u>(0,74)</u>
III	NỢ PHẢI TRẢ	<u>1.096.461.287.046</u>	<u>1.207.393.841.754</u>	<u>(110.932.554.708)</u>	<u>(9,19)</u>
1	Nợ ngắn hạn	242.987.955.782	226.770.980.490	16.216.975.292	7,15
2	Nợ dài hạn	853.473.331.264	980.622.861.264	(127.149.530.000)	(12,97)
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	<u>711.998.590.687</u>	<u>614.576.445.582</u>	<u>97.422.145.105</u>	<u>15,85</u>
1	Vốn chủ sở hữu	711.998.590.687	614.576.445.582	97.422.145.105	15,85
	- Vốn góp của chủ sở hữu	529.269.180.000	456.267.720.000	73.001.460.000	16,00
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.424.000	2.044.000	1.380.000	67,51
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	182.725.986.687	158.306.681.582	24.419.305.105	15,43
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>1.808.459.877.733</u>	<u>1.821.970.287.336</u>	<u>(13.510.409.603)</u>	<u>(0,74)</u>



II. Kết quả hoạt động SXKD

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng giảm so với 2018	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.712.323.651	277.015.545.586	41.696.778.065	15,05
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.712.323.651	277.015.545.586	41.696.778.065	15,05
4. Giá vốn hàng bán	120.767.362.990	112.049.247.923	8.718.115.067	7,78
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.944.960.661	164.966.297.663	32.978.662.998	19,99
6. Doanh thu hoạt động tài chính	780.317.326	8.378.833.701	(7.598.516.375)	(90,69)
7. Chi phí tài chính	59.729.257.373	64.983.884.953	(5.254.627.580)	(8,09)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	59.729.257.373	60.176.472.663	(447.215.290)	(0,74)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.125.065.713	14.630.224.348	494.841.365	3,38
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	123.870.954.901	93.731.022.063	30.139.932.838	32,16
9. Thu nhập khác	210.909.091		210.909.091	
10. Chi phí khác	174.774.194		174.774.194	
11. Lợi nhuận khác	36.134.897	-	36.134.897	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.907.089.798	93.731.022.063	30.176.067.735	32,19
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	117.597.578.947	88.981.669.451	28.615.909.496	32,16
14. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	2.510	2.266	244	10,77

III. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	13,00	16,32
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	87,00	83,68
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	66,27	60,63
-	Nguồn vốn CSH /Tổng nguồn vốn	%	33,73	39,37
-	Nợ phải trả /Vốn CSH	Lần	1,96	1,54
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,04	1,16

-	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,04	1,21
4	Hiệu quả			
-	Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	32,12	36,90
-	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	4,88	6,50
-	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	14,48	16,52
-	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	33,84	38,87

Số liệu báo cáo tài chính trên đây đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam kiểm toán và chấp nhận toàn phần với nội dung sau:





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 105 /BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Buồn Đơn, được lập ngày 20/01/2020, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3611-2016-142-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/TTr- HĐQT-BDHC

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH CÁC VẤN ĐỀ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khoá 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khoá 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn,

Kính thưa Quý Cổ đông,

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2020 biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020;
2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.808.459.877.733
2	Tổng nguồn vốn	1.808.459.877.733
3	Tổng doanh thu	319.703.550.068
4	Lợi nhuận trước thuế	123.907.089.798
5	Lợi nhuận sau thuế	117.597.578.947

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2019 như sau

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Lợi nhuận chưa phân phối	182.725.986.687
II	Phân phối lợi nhuận	99.739.492.804
II.1	Trích lập các quỹ	2.353.963.684

1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	1.763.963.684
2	Trích quỹ khen thưởng BDH	590.000.000
II.2	Trả cổ tức	97.385.529.120
1	Trả cổ tức bằng tiền 5%	26.463.459.000
2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 13,4%	70.922.070.120
III	Lợi nhuận để lại	82.986.493.883

6. Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020.

6.1 Kế hoạch SXKD năm 2020

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	230,00
2	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	284.682,37
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	41.457,81
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	39.384,92
4.	Cổ tức dự kiến	%	6,0

6.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

- Dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2020: 39.384,92 triệu đồng.
- Cổ tức: 6%.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1,5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty: 590 triệu đồng.

7. Thông qua báo cáo thù lao của Hội đồng Quản trị, Thư ký HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019; kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Thư ký HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020.

7.1 Năm 2019

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019, thù lao Hội đồng Quản trị, Thư ký HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019: 774.000.000 đồng.

7.2 Kế hoạch năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số người dự kiến	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	7.000.000

4	Thành viên Ban kiểm soát	2	6.000.000
5	Thư ký HĐQT	1	2.500.000

8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Hội đồng Quản trị Công ty kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận trên cơ sở đề xuất Ban kiểm soát để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.

ĐHCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13,4%. Cụ thể như sau:

- **Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019** : 529.269.180.000 đồng.
- **Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019:**
 - Tên cổ phiếu : Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
 - Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
 - Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Nguồn vốn phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế của Công ty
 - Mục đích phát hành : Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu.
 - Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 13,4%
 - Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.
 - Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức : Bổ sung vốn để trả nợ
- **Phương thức phát hành:**
 - Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:13,4 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 13,4 cổ phiếu mới).
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 52.926.918 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức : 7.092.207 cổ phiếu

- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu : 600.191.250.000 đồng
- Thời gian dự kiến phát hành : Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức. (Dự kiến phát hành trong năm 2020).

Đại hội đồng cổ đông thông nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số nội dung như sau:

- Thực hiện tất cả các thủ tục để triển khai phương án phát hành đã được phê duyệt, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh phương án phù hợp theo quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;
- Xác định ngày chốt danh sách cổ đông Công ty được hưởng quyền theo đúng quy định;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc tăng Vốn Điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty về Vốn điều lệ theo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo với giá trị 200 tỷ đồng

(Xem phương án phát hành trái phiếu đính kèm)

11. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

- Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (theo Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty đính kèm);
- Thay đổi mức vốn điều lệ dự kiến Công ty sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 là: 600.191.250.000 đồng (sáu trăm tỷ, một trăm chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);
- Tổng vốn điều lệ của Công ty dự kiến được chia thành 60.019.125 cổ phần (sáu mươi triệu không trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi lăm cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng/cổ phần).

12. Thông qua Quy chế về quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

(Dự thảo Quy chế về quản trị nội bộ Công ty đính kèm)

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và biểu quyết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Các thành viên HĐQT, Ban KS, Ban TGD;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Thành Danh

DỰ THẢO

Đắk Lắk, ngày ... tháng ... năm 2020

PHƯƠNG ÁN

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG CHUYỂN ĐỔI NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ Quy định về phát hành trái phiếu Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn về vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tên tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
Tên tiếng Anh : BUON DON HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ trụ ở chính : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường
Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại : 0262.3891368
Fax : 0262.3891348
Giấy CNĐKDN : Số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần
đầu ngày 20/05/2009, thay đổi lần thứ 7 ngày 26/12/2019.
Người đại diện : Ông Trương Hải Quang – Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ : 529.269.180.000 VNĐ
Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Số tiền thu được từ việc chào bán Trái phiếu sẽ được dùng để tất toán các khoản vay trong nước, cụ thể là thanh toán khoản vay theo hợp đồng vay số 29495/19MN/HĐTD của ngân hàng HD bank – Chi nhánh Đắk Lắk, dư nợ theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2019 là 128.980.311.264 đồng. Phần còn lại bổ sung vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.

III. CÁC TÀI LIỆU VĂN BẢN PHÁP LÝ CHỨNG MINH CÔNG TY ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO QUY ĐỊNH

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 20/05/2009 và các lần đăng ký thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp;
2. Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS);

IV. CÁC ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

1. Tên Trái Phiếu : TRÁI PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN.

2. Mã Trái Phiếu : BSA-BOND-2020
3. Phương thức phát hành: Trái Phiếu được chào bán trực tiếp theo phương thức phát hành riêng lẻ cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ Quy định về phát hành trái phiếu Doanh nghiệp.
4. Địa điểm tổ chức phát hành: Thực hiện tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
5. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến thực hiện trong Quý III năm 2020, thời điểm cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
6. Kỳ hạn trái phiếu : 06 (năm) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
7. Mệnh giá trái phiếu : 100.000.000 Đồng/Trái phiếu (Một trăm triệu VNĐ/Một trái phiếu).
8. Tổng khối lượng trái phiếu phát hành tính theo mệnh giá: 2.000 trái phiếu (Hai nghìn trái phiếu), tương đương 200.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).
9. Đồng tiền phát hành và thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
10. Hình thức trái phiếu : Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
11. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu: Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi. Cụ thể:
 - Lãi suất cố định dự kiến 10,5%/ năm trong 02 kỳ đầu tiên (6 tháng).
 - Lãi suất các kỳ tiếp theo dự kiến bằng: Lãi suất tham chiếu + Biên độ 3,5%/năm. *Lãi Suất Tham Chiếu = Lãi suất huy động VNĐ cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả sau) của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (lãi suất *) tại thời điểm tính lãi.*
 - Kỳ thay đổi lãi suất: 6 tháng/ lần.
12. Loại hình trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền.
13. Giao dịch trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Sau thời gian nêu trên, trái phiếu doanh nghiệp được giao dịch không hạn chế về số lượng nhà đầu tư; trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành có quyết định khác.
14. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

Kỳ tính lãi 3 tháng/ lần, lãi suất tính trên dư nợ Trái phiếu thực tế:

- Kỳ tính lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng phát hành Trái phiếu và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán lãi đầu tiên.
- Mỗi Kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày thanh toán lãi của Kỳ tính lãi trước đó và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán lãi tiếp theo.
- Tiền lãi sẽ được tính trên số ngày thực tế trên cơ sở một năm có 360 ngày.

Lịch trả gốc như sau:

- Tiền gốc trái phiếu sẽ thanh toán 01 lần khi đáo hạn; Thời điểm trả gốc từ Ngày tròn 72 tháng kể từ Ngày Phát Hành của đợt phát hành đầu tiên.
- Trường hợp ngày thanh toán lãi, gốc không phải là ngày làm việc, việc thanh toán sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

15. Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề (2017, 2018, 2019):

(ĐVT: Đồng).

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
1	Vốn chủ sở hữu	585.267.106.511	614.576.445.582	711.998.590.687
2	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	2,31	1,96	1,54
3	Lợi nhuận sau thuế	204.875.738.013	88.981.669.451	117.597.578.947
4	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	41,21%	14,83%	17,73%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2017, 2018, 2019).

16. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (2017, 2018, 2019): Trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành, Công ty không thực hiện phát hành trái phiếu.
17. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính 2019: Ý kiến chấp nhận toàn phần.
18. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được của đợt phát hành trái phiếu:

Vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Kế hoạch sử dụng
128.980.311.264 tỷ	Thanh toán khoản vay theo Hợp đồng số 29495/19MN/HĐTD
71.019.688.736 tỷ	Bổ sung vốn cho hoạt động SXKD của Công ty

19. Tài sản bảo đảm: Không có
20. Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Nguồn trả nợ trái phiếu sẽ lấy từ dòng tiền kinh doanh từ nhà máy thủy điện Thủy điện Srêpôk 4A và các nguồn tiền hoạt động kinh doanh và vốn hợp pháp khác (nếu có) của Công ty.
21. Cam kết công bố thông tin của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: Công ty cam kết tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành đối với đợt phát hành trái phiếu.
22. Các cam kết khác đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu: Quy định chi tiết và công khai tại Bản Công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu.
23. Điều khoản về đăng ký, lưu ký: Thực hiện theo quy định của Điều 16 về Đăng ký, Lưu ký trái phiếu của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ Quy định về phát hành trái phiếu Doanh nghiệp.
24. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu: Quy định chi tiết và công khai 3 tại Bản Công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu.

tại Bản Công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu.

25. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành: Quy định chi tiết và công khai tại Bản Công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu.
26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu: Quy định chi tiết trong các Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thành Danh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN



Đắk Lắk, tháng /2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	4
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	32
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	35
Điều 37. Kiểm soát viên.....	35
Điều 38. Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	37
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	40
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	41
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 46. Năm tài chính	42
Điều 47. Chế độ kế toán.....	42
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	43
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 50. Kiểm toán.....	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	44
Điều 51. Con dấu.....	44
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	44
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	44
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 54. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 56. Điều lệ công ty.....	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn (dưới đây gọi là công ty) thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên (bất thường) năm 2020 (2019) tổ chức chính thức vào ngày

Điều lệ này thay thế:

- Điều lệ được thông qua bởi các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty vào ngày 07/5/2009;

- Điều lệ được thông qua bởi các cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/7/2014;

- Điều lệ được thông qua bởi các cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2016;

- Điều lệ được thông qua bởi các cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/4/2017;

- Điều lệ được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày ngày 01/6/2018;

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. **“Chi nhánh”** là đơn vị phụ thuộc của Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh đúng với ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
- b. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- c. **“Công ty”** được quy định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN;
- d. **“Đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức”** là cá nhân được cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản để nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật;
- e. **“Địa bàn kinh doanh”** là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- f. **“Luật chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2010;
- g. **“Luật doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 68/ 2014/ QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 26/11/ 2014”;
- h. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- i. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- j. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- k. **“Người được ủy quyền dự họp”** là người được: (i) cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân); (ii) hoặc đại diện theo ủy quyền được ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- l. **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, có giá trị áp dụng và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực Nhà nước;
- m. **“Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty”** là Quy chế ban hành theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6

- năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- n. **"Thời hạn hoạt động"** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - o. **"Văn phòng đại diện"** là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó;
 - p. **"Việt Nam"** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - q. **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
2. Trong Điều lệ này, tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
 - Tên giao dịch tiếng Anh: BUON DON HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: BDHC
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở chính của Công ty là:
 - Địa chỉ: Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, số 01 đường Ngô Quyền, phường Thăng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
 - Điện thoại: (84-262) 3 891368
 - Fax: (84-262) 3 891348
 - Email: srepek4a@gmail.com
 - Website: www.thuydienbuondon.vn

C.T.C.P
M.V.V

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc . Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, Sản xuất và kinh doanh điện năng.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập và thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu về thiết kế, xây dựng và mua sắm vật tư thiết bị.
 - Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện.
 - Đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thủy điện.
 - Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện.
 - Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
 - Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi - thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông.
 - Sản xuất vật liệu xây dựng.
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét.
 - Trồng cà phê, cao su và cây công nghiệp lâu năm khác
 - Chế biến cà phê, cao su tổng hợp và các sản phẩm từ cây công nghiệp lâu năm khác.

- Mua bán cà phê, cao su tổng hợp và các sản phẩm từ cây công nghiệp lâu năm khác.
 - Kinh doanh dịch vụ du lịch.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
- Đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Srêpôk 4A và các dự án khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng, cung cấp điện vào hệ thống lưới điện quốc gia, phục vụ nhu cầu điện của tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên
 - Kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh để Công ty được phát triển một cách bền vững nhằm mang lại lợi ích ổn định và lâu dài cho người lao động, các Cổ đông, Công ty, xã hội và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. “Vốn điều lệ của Công ty là 529.269.180.000 VNĐ (năm trăm hai mươi chín tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 52.926.918 (năm mươi hai triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, chín trăm mười tám) cổ phần với mệnh giá là 10.000đ/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần)”
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy

định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (*tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo*), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy

quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh với mức lãi suất (*không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu hồi*) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Giám đốc công ty.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết một cách trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính

năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có

quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (*thanh lý*) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư / bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("*Địa điểm chính của đại hội*");
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,

thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Trường hợp ngoại lệ sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;



- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- 5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị ;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Tối thiểu 01 thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**CHƯƠNG VIII
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá bốn (04) năm và không giữ chức vụ quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp khác phải được 100% thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thuận thông qua. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (*sau đây gọi là bản dự toán*) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (*bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến*) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT



Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trường hợp khác phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử

dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ

và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước;

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

.Đắk Lắk, ngày tháng năm 20.....

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc

Trương Hải Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Đắk Lắk, tháng 5/2020

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ, viết tắt.....	4
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản.....	5
CHƯƠNG II	5
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	5
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	6
Điều 7. Cách thức ủy quyền và lập giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.....	6
Điều 8. Cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....	7
Điều 9. Cách thức kiểm phiếu.....	7
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	7
Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
CHƯƠNG III	9
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN	9
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	11
Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	11
CHƯƠNG IV	11
NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 23. Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 24. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT.....	12
Điều 25. Ghi biên bản họp HĐQT.....	12

Điều 26. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	13
Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn và cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch HĐQT Công ty	13
Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn giải quyết công việc của Thành viên HĐQT Công ty	14
Điều 29. Quy định về ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Công ty	14
CHƯƠNG V	15
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG.....	15
KIỂM SOÁT VIÊN	15
Điều 30. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	15
Điều 31. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.....	15
Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên.....	16
Điều 33. Cách thức bầu Kiểm soát viên	16
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
Điều 35. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
Điều 36. Hoạt động của Kiểm soát viên.....	17
CHƯƠNG VI	17
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỐC	17
(NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP)	17
Điều 37. Bộ máy quản lý của Công ty và tiêu chuẩn của Giám đốc.....	17
Điều 38. Việc bổ nhiệm Giám đốc.....	17
Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc	18
Điều 40. Các trường hợp miễn và bãi nhiệm Giám đốc.....	18
Điều 41. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc	18
CHƯƠNG VII.....	18
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC	18
Điều 42. Nguyên tắc phối hợp	18
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.....	19
Điều 44. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	20
Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty	20
CHƯƠNG VIII	20
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.....	20
Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	21
Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	21
Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	21
CHƯƠNG IX	21

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC TRONG CÔNG TY.....	21
Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc và người quản lý trong Công ty	21
Điều 51. Tiêu chí đánh giá hoạt động.....	22
Điều 52. Xếp loại đánh giá cán bộ	22
Điều 53. Khen thưởng	22
Điều 54. Kỷ luật	22
CHƯƠNG X.....	23
XỬ LÝ VI PHẠM.....	23
Điều 55. Xử lý vi phạm	23
CHƯƠNG XI	23
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	23
Điều 56. Hiệu lực của Quy chế	23

60
C
C
H
3U
V.M

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông, công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Quy chế này được áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được quy định tại Điều lệ Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ, viết tắt

1. Giải thích từ ngữ:

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

- *Cổ đông*: cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- *Công ty*: Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn;
- *Người quản lý Công ty / Người quản lý*: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty;
- *Người có liên quan*: tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*: thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị / Thành viên độc lập*: thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014;
- *Quản trị Công ty*: hệ thống các nguyên tắc, quy định, thể chế, trình tự và bộ máy tổ chức nhằm mục đích đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông, công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;
- *Người phụ trách quản trị Công ty*: người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

2. Viết tắt:

- ĐHĐCĐ/Đại hội : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát

3. Trong Quy chế này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

4. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có ý nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, quản trị Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo cơ cấu, tổ chức quản trị có hiệu quả;
- Tôn trọng và đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty có hiệu quả;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng quy mô lớn.

Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo

được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên (nếu có);
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty thiết lập bộ phận chuyên trách thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và bộ phận này phải đảm bảo cho các cổ đông thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký tham dự ĐHĐCĐ vẫn tiếp tục được thực hiện sau khi ĐHĐCĐ đã khai mạc đến trước thời điểm bỏ phiếu.

Điều 7. Cách thức ủy quyền và lập giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản theo mẫu của Công ty cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông lập Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ như sau:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức), Người được ủy quyền phải mang theo:

- Giấy ủy quyền theo đúng mẫu của Công ty;
- Chứng minh nhân dân / Thẻ căn cước công dân / Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ).

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức), người được ủy quyền này phải mang theo:

- Giấy ủy quyền theo đúng mẫu của Công ty;
- Chứng minh nhân dân / Thẻ căn cước công dân / Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ).

c- Trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền phải mang theo:

- Giấy ủy quyền theo đúng mẫu của Công ty;

- Chứng minh nhân dân / Thẻ căn cước công dân / Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ).

Điều 8. Cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Việc biểu quyết có thể thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín và/hoặc giơ thẻ biểu quyết và được quy định cụ thể tại Thẻ lệ biểu quyết của từng kỳ họp ĐHĐCĐ.

2. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận một Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần mà mình được đại diện theo ủy quyền (nếu có).

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Với trường hợp bỏ phiếu kín sẽ chỉ nhận phiếu đến thời điểm trước khi niêm phong hòm phiếu hoặc trước khi Ban kiểm phiếu tuyên bố chấm dứt việc bỏ phiếu.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu

1. Đối với trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết: Đoàn Chủ tọa tiến hành đếm số phiếu tại Đại hội và ban Thư ký có trách nhiệm tổng hợp, ghi nhận vào Biên bản họp tại Đại hội.

2. Đối với trường hợp bỏ Phiếu kín: Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu trên phần mềm kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải đảm bảo được kiểm tra chéo ít nhất 02 lần đối với mỗi vấn đề. Toàn bộ Phiếu biểu quyết sau khi kiểm phiếu phải được lưu giữ tập trung tại Công ty trong mười (10) năm.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu và tỷ lệ tán thành đối với từng vấn đề được đệ trình tại Đại hội.

- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết.

- Đối với các vấn đề thông qua theo hình thức bầu đôn phiếu.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký / Thư ký Đại hội ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Người quản trị công ty chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản lên trang thông tin điện tử.
6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định: Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo cùng các quy định khác thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

1. Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
2. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
3. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
4. Có kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh điện năng, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm, và đối thủ cạnh tranh;
5. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
6. Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
7. Phán quyết chuẩn xác;
8. Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
9. Kỹ năng giao tiếp tốt.
10. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.
11. Thành viên độc lập HĐQT ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như trên còn phải đáp ứng theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70%

đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Danh sách ứng viên và các thông tin chi tiết / Sơ yếu lí lịch phải được gửi cho các cổ đông trước khi chính thức bầu cử. Các tiêu chuẩn, điều kiện của các ứng viên này đảm bảo không thấp hơn so với các tiêu chuẩn / điều kiện chung đã công bố trước đó.

Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó đang sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Khi bầu, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Căn cứ vào tỷ lệ phiếu bầu của ĐHĐCĐ, người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí khác được quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 15 Quy chế này;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT trừ trường hợp bất khả kháng và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
- Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Thành viên đó cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán về báo cáo và công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải có đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề đó và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 23. Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 24. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 25. Ghi biên bản họp HĐQT

1. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Người phụ trách quản trị công ty sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng.
2. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến lại nội dung biên bản họp cho các thành viên ngay tại cuộc họp và trước khi các thành viên ký biên bản họp. Biên bản họp HĐQT được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 26. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn và cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch HĐQT Công ty

1. Chủ tịch HĐQT Công ty là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao; quản lý Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của HĐQT Công ty.

2. Chịu trách nhiệm lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT Công ty; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT.

3. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT.

4. Chịu trách nhiệm tổ chức phân giao cho các Thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi một số lĩnh vực công việc cụ thể để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

5. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT; có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT.

6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết do tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ do HĐQT bổ nhiệm, chỉ định người tạm thời thay thế để điều hành công việc và báo cáo HĐQT xem xét, quyết định.

7. Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định hoặc xây dựng của HĐQT; chỉ đạo phương án đổi mới tổ chức, tái cơ cấu để trình HĐQT.

8. Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các Thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT, trừ nội dung liên quan đến tổ chức và cán bộ.

9. Chủ trì và kết luận các cuộc họp quan trọng, hội nghị chuyên đề liên quan đến mục tiêu, chiến lược, chủ trương chung của Công ty.

10. Tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp chuẩn bị các đề án, kế hoạch trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

11. Định kỳ bố trí làm việc với bộ máy quản lý công ty để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách của nhà nước, quy chế, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

12. Định kỳ hàng năm chủ trì họp đánh giá cán bộ do HĐQT bổ nhiệm.

13. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty, phân cấp và ủy quyền của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn giải quyết công việc của Thành viên HĐQT Công ty

1. Tham gia giải quyết các công việc chung của HĐQT, cùng với tập thể HĐQT thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT quy định trong Điều lệ Công ty và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT phân công; chủ động làm việc với Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT khác về các công việc của HĐQT và các công việc có liên quan.

2. Thành viên HĐQT chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có phát sinh những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT.

3. Hàng quý, các Thành viên HĐQT có báo cáo gửi HĐQT về tình hình và kết quả thực hiện các công việc được phân công.

4. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT; nghiên cứu, cho ý kiến góp ý, biểu quyết kịp thời, đầy đủ trong Phiếu lấy ý kiến về các nội dung trình HĐQT.

5. Mỗi Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm nghiên cứu hoặc chỉ đạo tổ chức nghiên cứu và đề xuất các mục tiêu chiến lược, các chủ trương, cơ chế cần thiết thuộc thẩm quyền của HĐQT, theo dõi và có các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

6. Chủ trì các phiên họp của HĐQT khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.

7. Triệu tập các cuộc họp chuyên đề, hội thảo đối với những nội dung công việc được phân công.

8. Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng của Công ty và kiến nghị HĐQT xem xét kỷ luật, thay thế người đứng đầu nếu thấy vi phạm quy định hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao.

9. Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lĩnh vực cụ thể, khi kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tại Công ty có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT và thông báo cho Giám đốc được biết để kịp thời chỉ đạo, điều hành.

10. Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc điều hành thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

11. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức Đảng, Công đoàn trong công ty thực hiện các quy chế và quy định liên quan.

12. Các Thành viên HĐQT được trang bị các phương tiện, các trang thiết bị làm việc theo quy định để phục vụ cho công việc.

Điều 29. Quy định về ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Công ty

1. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT, trừ công tác tổ chức và cán bộ.

2. Nội dung văn bản ủy quyền phải ghi rõ: họ và tên, chức vụ của người ủy quyền, người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền.
3. Văn bản ủy quyền phải được gửi tới các Thành viên HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty, Bộ máy quản lý và các đơn vị có liên quan.
4. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện ủy quyền và người được ủy quyền cũng phải liên đới chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 30. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- Không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Giám đốc và những Người quản lý công ty của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do các Kiểm soát viên bầu theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 31. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Danh sách ứng viên và các thông tin chi tiết / Sơ yếu lý lịch phải được gửi cho các cổ đông trước khi chính thức bầu cử. Các tiêu chuẩn, điều kiện của các ứng viên này đảm bảo không thấp hơn so với các tiêu chuẩn / điều kiện chung đã công bố trước đó.

3. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc

hợp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu gồm:

- Họ tên, ngày, tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn, học vấn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

Điều 33. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn từ chức và được ĐHĐCĐ chấp thuận;
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 35. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định pháp luật chứng khoán về báo cáo và công bố thông tin.

Điều 36. Hoạt động của Kiểm soát viên

Hoạt động kiểm soát viên thực hiện theo đúng qui chế tổ chức và hoạt động ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

CHƯƠNG VI LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỐC (NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP)

Điều 37. Bộ máy quản lý của Công ty và tiêu chuẩn của Giám đốc

1. Việc tổ chức bộ máy quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản đốc phân xưởng, trưởng các phòng ban Công ty do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Ban Giám đốc phải có trách nhiệm mẫn cán; luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu để tổ chức sản xuất đạt được các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Giám đốc và Phó Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ngoài những quy định theo Luật và Điều lệ, Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (*ưu tiên các cá nhân sở hữu nhiều cổ phần của Công ty*);
- Có trình độ đại học trở lên;
- Trung cấp lý luận chính trị;
- Để tránh xung đột lợi ích, Giám đốc không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào khác.

Điều 38. Việc bổ nhiệm Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc / Phó Giám đốc không quá bốn (04) năm. Đối với chức danh Giám đốc Công ty không giữ chức vụ quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp khác phải được 100% thành viên HĐQT Công ty đồng thuận thông qua. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

3. Ban Giám đốc có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Phó Giám đốc là người giúp việc của Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

5. Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế làm việc của Ban Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc

Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Giám đốc theo quy định của pháp luật lao động. Hợp đồng lao động phải quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác và được công bố trên trang web của Công ty. Thông tin về thu nhập của Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 40. Các trường hợp miễn và bãi nhiệm Giám đốc

a- Miễn nhiệm:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- Hết hợp đồng lao động;
- Nghi hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

b- Bãi nhiệm:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc;

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 41. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc theo quy định pháp luật chứng khoán về báo cáo và công bố thông tin.

CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 42. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

- Luôn trung thành và vì lợi ích chung của Công ty.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và của Công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

1. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
 2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
 3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ Công ty.
 4. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.
 5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, phân xưởng liên quan tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).
 6. Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.
 7. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc có sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.
 8. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.
- Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc được tích hợp thành một mục trong chương trình họp của HĐQT.

Điều 44. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.
2. Chủ tịch HĐQT đảm bảo Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định, và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.
5. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến hội đồng quản trị.
 - Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Giám đốc
 - Các giao dịch mà Giám đốc là một bên liên quan
 - Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT
 - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Giám đốc

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban Giám đốc hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể đóng góp ý kiến (nếu có). Ban Giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.
2. Giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác.
3. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
4. Các văn bản báo cáo của Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

CHƯƠNG VIII NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại không hạn chế số nhiệm kỳ.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
 - Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC TRONG CÔNG TY

Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc và người quản lý trong Công ty

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc và người quản lý trong Công ty có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Đánh giá hoạt động định kỳ 6 tháng;
- Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

2. HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.

3. Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm.

Điều 51. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định của pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống lãng phí.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 52. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Ban Giám đốc, và người quản lý khác trong Công ty phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Công ty.

Điều 53. Khen thưởng

1. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo Điều lệ và quy định của Công ty.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể và hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.

Điều 54. Kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định khác có liên quan của Công ty, thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.

CHƯƠNG X XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 55. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Công ty (bao gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý trong Công ty) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.
2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán nhà nước về vấn đề này.
3. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định.

CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Hiệu lực của Quy chế

1. HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét, chủ trì thực hiện và trình ĐHĐCĐ thông qua.
3. Khi áp dụng thực hiện, nếu có sự mâu thuẫn giữa Quy chế so với Điều lệ Công ty và/hoặc với nghị quyết của ĐHĐCĐ thì Điều lệ Công ty và/hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
5. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

6. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày...

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Vũ Thành Danh

